

Bản án số: 342/2025/DS-PT
Ngày 21 tháng 4 năm 2025
“V/v Tranh chấp di sản thừa kế,
chia tài sản chung, huỷ giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Bà Trần Thị Hoà Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hải Đăng - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Huệ - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 21 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 945/2024/TLPT-DS ngày 02 tháng 12 năm 2024 về “*Tranh chấp di sản thừa kế, chia tài sản chung, huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2024/DS-ST ngày 15/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 719/2025/QĐPT-DS ngày 21 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Võ Thị T**, sinh năm 1947 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Ấp Long Thới, xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;

Người đại diện hợp pháp của bà Võ Thị T: Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1965 – Có mặt;

Địa chỉ: Ấp Tây 2, xã Long Định, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang (Văn bản uỷ quyền được Văn phòng công chứng Nguyễn Thanh Lương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang công chứng ngày 05/6/2018);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Võ Thị T: Luật sư Trần Thanh Hùng, Trưởng Văn phòng luật sư Trần Thanh Hùng thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang – Có mặt;

2. *Bị đơn:* Bà **Võ Thị C**, sinh năm 1950 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Ấp Long Thới, xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;

Người đại diện hợp pháp của bà Võ Thị C: Bà Nguyễn Thị Mỹ H¹, sinh năm 1979 – Có mặt;

Địa chỉ: Số 19/8A Lê Thị Hồng Gấm, Phường 6, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang (Văn bản ủy quyền được Văn phòng công chứng Lâm Thị Minh Nguyệt, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang công chứng ngày 13/9/2022);

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Võ Văn T¹, sinh năm 1963 – Có mặt;

3.2. Bà Phạm Thị Bích L, sinh năm 1959 – Có mặt;

3.3. Anh Võ Tiến T², sinh năm 1988 – Vắng mặt;

3.4. Chị Võ Ngọc Kim N, sinh năm 1997 – Vắng mặt;

Cùng trú tại: Ấp Long Thuận A, xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;

Người đại diện hợp pháp của Võ Tiến T², Võ Ngọc Kim N: Ông Võ Văn T¹ (Văn bản ủy quyền ngày 03/5/2024 được Ủy ban nhân dân xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang chứng thực) – Có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Võ Văn T¹: Luật sư Lê Văn Lâm, Công ty Luật TNHH MTV Sài Gòn – Mê Kông thuộc Đoàn luật sư tỉnh Long An – Có mặt;

3.5. Bà Võ Thị S¹, sinh năm 1954 – Vắng mặt;

3.6. Ông Võ Văn T³, sinh năm 1955 – Có mặt;

3.7. Bà Võ Thị T⁴, sinh năm 1964 – Có mặt;

3.8. Bà Võ Thị M, sinh năm 1967 – Có mặt;

Đều trú tại: Ấp Long Thới, xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;

3.9. Bà Võ Thị B, sinh năm 1949 – Xin vắng mặt;

3.10. Ông Võ Thanh D, sinh năm 1975 – Xin vắng mặt;

3.11. Bà Võ Thanh L¹, sinh năm 1980 – Xin vắng mặt;

Đều trú tại: Ấp Long Lợi, xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;

3.12. Ông Võ Thành P, sinh năm 1969 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Số 152 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang;

3.13. Ông Võ Thành C¹, sinh năm 1972 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Số 176 Đoàn Thị Nghiệp, Phường 5, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang;

3.14. Bà Võ Thanh L², sinh năm 1976 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Ấp 3, xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;

3.15. Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành: Ông Huỳnh Văn Bé H¹, Chủ tịch – Có yêu cầu vắng mặt;

3.16. Ủy ban nhân dân xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã Long Hưng: Ông Nguyễn Văn L³, Chủ tịch – Vắng mặt;

4. *Người kháng cáo:* Ông Võ Văn T¹;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02/4/2018 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn bà Võ Thị T trình bày:

Cụ Võ Văn S¹, Nguyễn Thị G có 08 con chung gồm: Võ Thị T, Võ Thị C, Võ Văn T¹, Võ Văn T³, Võ Thị S¹, Võ Thị T⁴, Võ Thị M, Võ Văn N¹ (*chết ngày 20/4/2016 có vợ là Võ Thị B, các con là: Võ Thành P, Võ Thành C¹, Võ Thanh D, Võ Thanh L¹, Võ Thanh L²*).

Cụ S với cụ G có Thửa đất số 910, diện tích 4.660 m² 2 lúa và Thửa đất số 1765, diện tích 1.430 m² (gồm đất ONT 300 m² và đất Q 1.130 m²) đều thuộc Tờ bản đồ số 03 ấp Long Thới, xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;

Ngày 02/8/1990, Cụ S chết không để lại di chúc, cụ G quản lý toàn bộ đất, đến ngày 06/8/2001 Ủy ban nhân dân xã Long Hưng lập Biên bản phân chia thừa kế nhưng không thể hiện di sản của cụ S và không đủ tên các con.

Ngày 06/10/2001, cụ G ký tên chuyển quyền sử dụng đất cho bà Võ Thị C toàn bộ diện tích đất và được Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số 16969/QSDĐ ngày 12/11/2002 cho bà Võ Thị C chủ hộ đứng tên. Năm 2016 cụ G chết.

Bà Võ Thị T khởi kiện yêu cầu chia thừa kế phần di sản của cụ S diện tích 3.045 m² thành 10 phần, 01 phần chia công sức cho bà C, 09 phần còn lại chia đều cho cụ G và 08 anh chị em của bà; Hủy Biên bản chia thừa kế ngày 06/8/2001 và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 16969/QSDĐ ngày 12/11/2002 do bà Võ Thị C chủ hộ đứng tên.

Bị đơn bà Võ Thị C trình bày: Đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn T¹ trình bày:

Thông nhất lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ nhân thân, về thời điểm cụ S và cụ G chết;

Vào ngày 22/11/2002, Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 16969/QSDĐ Thửa đất số 910, diện tích 4.660 m² và Thửa đất số 1765, diện tích 1.430 m² ấp Long Thới, xã Long Hưng (là tài sản chung của cha mẹ để lại) do chị của ông là bà Võ Thị C đứng tên hộ gia đình, tất cả các thành viên trong gia đình của ông đều đăng ký nhân khẩu chung với hộ khẩu của cụ G, bà C.

Năm 2002, lúc cụ G còn khỏe mạnh có bảo bà C và bà Võ Thị S¹ chia đất cho ông diện tích 2.500 m², kể cả phần trũng thấp và con rạch đầu trên Thửa đất số 910, nhưng chưa chuyển tên quyền sử dụng đất vì ông là con trai út. Sau khi cha mẹ chết thì anh chị em có mâu thuẫn nên ngày 27/6/2017, bà C khởi kiện ông đến Tòa án nhân dân huyện Châu Thành để đòi lại đất, nhưng đến ngày 17/4/2018 thì bà C rút đơn kiện và hứa sẽ thoả thuận với ông, nhưng bà C không thực hiện lời hứa, không chuyển quyền sử dụng đất cho ông. Phần diện tích 2.500 m² này ông đã canh tác trên 15 năm, có công vun bồi, các anh chị em không có chung hộ khẩu với cụ G, bà C không có quyền yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà C.

Tại đơn thay đổi yêu cầu độc lập ngày 17/4/2024, ông T¹ yêu cầu chia tài sản chung hộ gia đình đối với 3.045 m² cho 05 thành viên gồm: Võ Thị C, Võ Văn T¹, Phạm Thị Bích L, Võ Tiến T², Võ Thị Kim N mỗi người 609 m²; chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Giác là 3.045 m² cho 08 người con của cụ G, mỗi người 380,6 m². Ông yêu cầu được hưởng bằng hiện vật tại Thửa đất số 4600.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các đương sự: Võ Văn T², Võ Thị T³, Võ Thị M đều trình bày: Thông nhất yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các đương sự: Phạm Thị Bích L, Võ Tiến T², Võ Ngọc Kim N đều trình bày: Thống nhất yêu cầu độc lập của ông Võ Văn T¹.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2022/DS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T, yêu cầu độc lập của ông Võ Văn T², bà Võ Thị T³, bà Võ Thị M;

- Huỷ biên bản về việc phân chia thừa kế quyền sử dụng đất lập ngày 06/8/2001;

- Xác định di sản của cụ S chết để lại là $\frac{1}{2}$ phần đất, diện tích 2.782,1 m² trị giá 652.088.000 đồng; chia đều làm 10 kỷ phần; Giao cho bà C quản lý, sử dụng toàn bộ phần đất, buộc bà C hoàn giá trị cho các ông, bà: Võ Thị T, Võ Văn T², Võ Thị T³, Võ Thị M mỗi người một kỷ phần là 65.208.800 đồng;

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Võ Văn T¹ yêu cầu công nhận cho ông diện tích 2.815,7 m² tại Thửa đất số 910. Ghi nhận sự tự nguyện của bà C hoàn trả giá trị cây trồng trên phần đất 2.815,7 m² với số tiền là 82.366.000 đồng;

Ngoài ra còn tuyên về quyền, nghĩa vụ đăng ký quyền sử dụng đất, về án phí dân sự sơ thẩm, về chi phí tố tụng;

Ngày 12/10/2022 ông Võ Văn T¹ có đơn kháng cáo yêu cầu công nhận cho ông diện tích 2.815,7 m² tại Thửa đất số 910.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 385/2023/DS-PT ngày 23/6/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định: Huỷ toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2022/DS-ST ngày 29/9/2022 và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang giải quyết lại.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2024/DS-ST ngày 15/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ Điều 26, khoản 1 Điều 37, các điều: 39, 147, 228, 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều: 609, 616, 650, 651, 652 Bộ luật dân sự; Các điều: 166, 167, 170 Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Tuyết, yêu cầu độc lập của ông Võ Văn T², bà Võ Thị T³, bà Võ Thị M về việc yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 16969/QSSĐ ngày 12/11/2002 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T, yêu cầu độc lập của các ông, bà: Võ Văn T², Võ Thị T³, Võ Thị M, Võ Văn T¹.

- Huỷ biên bản về việc phân chia thừa kế quyền sử dụng đất lập ngày 06/8/2001;

- Xác định di sản của cụ Võ Văn S là $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng Thửa đất số 910 và 1765, cùng Tờ bản đồ số 3, tại ấp Long Thới, xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang là 2.782,1 m²;

Chia cho ông Võ Văn T¹ quyền sử dụng 655,5 m² thuộc Thửa đất số 910 Tờ bản đồ số 3, tại ấp Long Thới, xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang (Ký hiệu S2, S3, S4 Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 26/3/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang kèm theo).

Chia cho bà Võ Thị C quyền sử dụng 1.653,15 m² thuộc Thửa đất số 910 Tờ bản đồ số 3, tại ấp Long Thới, xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang (Ký hiệu S5, S6, S7, S8, S9, S10, S11 Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 26/3/2024 kèm theo) và 473,45 m² thuộc Thửa đất số 1765 Tờ bản đồ số 3, tại ấp Long Thới, xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang (Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 08/9/2020 kèm theo).

Bà Võ Thị C có nghĩa vụ trả cho ông Võ Văn T¹ 57.656.200 đồng giá trị cây trồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của các đương sự: Võ Văn T¹, Phạm Thị Bích L, Võ Tiến T², Võ Ngọc Kim N về việc yêu cầu chia tài sản chung hộ gia đình sử dụng đất;

Bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền, nghĩa vụ kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất; về án phí dân sự sơ thẩm; về nghĩa vụ thi hành án; về trách nhiệm do chậm thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/7/2024, ông Võ Văn T¹ có đơn kháng cáo yêu cầu chấp nhận yêu cầu độc lập của ông, chia tài sản chung hộ gia đình cho vợ chồng và hai con của ông với diện tích là 2.030 m² tại vị trí gia đình ông đang canh tác thuộc một phần Thửa đất số 4600, Tờ bản đồ số 3, tại ấp Long Thới, xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Ông Võ Văn T¹ giữ nguyên kháng cáo yêu cầu chấp nhận yêu cầu độc lập của ông, chia đất là tài sản chung của hộ gia đình gồm 05 thành viên là bà C, ông T¹, bà L, anh T², chị N và không chia cho những người không có tên trong hộ gia đình bà C làm chủ hộ. Nguồn gốc đất là của ông nội của ông để lại, ông

và vợ con của ông không có khai phá hay nhận chuyển nhượng đất nhập vào, mà chỉ có công quản lý, canh tác đất cùng với cha mẹ. Khi anh chị em lập văn bản phân chia thừa kế thì ông Võ Văn T³ cũng ký tên đồng ý chia cho ông 2.500 m² nhưng nay ông T³ lại thay đổi ý kiến. Ông có công quản lý phụ giúp bà C canh tác đất có huê lợi để nuôi dưỡng mẹ, nếu được chấp thuận thì ông yêu cầu được nhận đất tại vị trí mà ông đã được bà C giao.

Bà Phạm Thị Bích L thống nhất kháng cáo của ông T¹, khi anh chị em lập văn bản chia thừa kế chia đất cho cho chồng của bà là ông T¹ thì cũng có chia cho ông T³ và ông T³ đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nay bà yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T³.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Võ Văn T¹ đề nghị xem xét các anh chị em đã lập văn bản phân chia thừa kế, đã chia và giao cho ông T¹ quản lý, sử dụng 2.500 m² từ năm 2002, tuy một số thừa kế khác không ký tên vào văn bản chia thừa kế, nhưng họ đều biết việc này mà không phản đối. Bà C đã nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có ghi rõ là cấp đất cho hộ gia đình nhưng bà C cũng không có ý kiến gì. Theo Sổ hộ khẩu tại thời điểm được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì hộ bà C gồm có cụ G, bà C với vợ chồng và con của ông T¹, các thừa kế khác của cụ G không có trong hộ khẩu, nên đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T¹, sửa Bản án sơ thẩm, chia đất cho các thành viên hộ gia đình bà C mà không chia cho những người không có tên trong hộ khẩu hộ bà C.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Võ Thị T đề nghị xem xét Bản án sơ thẩm đã xét xử khách quan, đảm bảo quyền lợi của các đương sự, ông T¹ cũng đã thừa nhận nguồn gốc đất là của ông bà cha mẹ để lại, gia đình ông T¹ không có nhận chuyển nhượng đất để nhập vào. Đề nghị bác kháng cáo của ông T¹, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Ngọc H thống nhất ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Võ Thị T.

Bà Nguyễn Thị Mỹ H¹ trình bày ông T¹ ký tên vào văn bản phân chia thừa kế không nhận mét vuông nào; Gia đình vợ con ông T¹ đều không có công tạo lập số đất này, mà đất là do cha mẹ để lại. Do đó đề nghị bác kháng cáo của ông T¹, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Bà Võ Thị T⁴ không đồng ý kháng cáo của ông T¹ và trình bày gia đình ông T¹ chỉ có tên trong Sổ hộ khẩu gia đình chứ không có sống chung với mẹ vì vào năm 1986 ông T¹ cưới vợ rồi ra ở riêng ngay.

Ông Võ Văn T³ và bà Võ Thị M thống nhất với Bản án sơ thẩm và không có ý kiến gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Đơn kháng cáo hợp lệ về hình thức; Về nội dung đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của ông Võ Văn T¹ đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Phiên tòa phúc thẩm được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, những đương sự vắng mặt đều là những người không có kháng cáo và việc vắng mặt của họ không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án vắng mặt họ.

[2] Hồ sơ vụ án thể hiện và các bên đương sự đều thừa nhận vợ chồng cụ Võ Văn S, cụ Nguyễn Thị G có 08 con chung gồm: Võ Thị T, Võ Thị C, Võ Văn T¹, Võ Văn T³, Võ Thị S¹, Võ Thị T⁴, Võ Thị M, Võ Văn N¹ (chết ngày 20/4/2016 có vợ là Võ Thị B, các con là: Võ Thành P, Võ Thành C¹, Võ Thanh D, Võ Thanh L¹, Võ Thanh L²).

Cụ S với cụ G có 02 thửa đất gồm: Thửa đất số 1765, diện tích 1.430 m² (gồm 300 m² đất ONT và 1.130 m² đất Q) và Thửa đất số 910, diện tích 4.660 m² 2 lúa đều thuộc Tờ bản đồ số 03 ấp Long Thới, xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;

Ngày 01/8/1990, cụ S chết không để lại di chúc, cụ G quản lý toàn bộ đất, đến ngày 06/8/2001 Ủy ban nhân dân xã Long Hưng lập Biên bản phân chia thừa kế nhưng không thể hiện di sản của cụ S và không có đủ các con của cụ S tham gia.

Ngày 06/10/2001, cụ G ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất cho bà Võ Thị C toàn bộ diện tích đất và được Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 16969/QSDĐ ngày 12/11/2002 cho hộ bà Võ Thị C chủ hộ đứng tên. Ngày 01/8/2016, cụ Giác chết.

[3] Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/11/2020 thể hiện:

- Thửa đất số 910 hiện nay tách ra thành 02 thửa, gồm: Thửa đất số 4600, diện tích 2.815,7 m² do ông Võ Văn T¹ quản lý, sử dụng và Thửa đất số 4601, diện tích 1801,6 m² do bà Võ Thị C quản lý, sử dụng;

- Thừa đất số 1765 do bà Võ Thị C quản lý, sử dụng; Trên đất có 01 căn nhà mái Fibro, nền đất của bà Võ Thị C và 01 căn nhà cấp 4 của bà Võ Thị T⁴ xây dựng.

Chứng thư thẩm định giá số 2020/0268TA-TG/CT-VALUINCO-HCM ngày 13/11/2020 của Công ty Cổ phần Định giá và Tư vấn Đầu tư Quốc Tế xác định:

- Thừa đất số 4600: Giá trị quyền sử dụng đất là 563.140.000 đồng (200.000 đồng/m²) và giá trị cây trồng trên đất là 82.366.000 đồng;

- Thừa đất số 4601: Giá trị quyền sử dụng đất là 360.320.000 đồng (200.000 đồng/m²) và giá trị cây trồng trên đất là 49.301.000 đồng;

- Thừa đất số 1765: Giá trị quyền sử dụng đất là 331.415.000 đồng (350.000 đồng/m²) và giá trị nhà ở, cây trồng trên đất là 725.924.010 đồng;

[4] Tuy ông Võ Văn T¹, bà Phạm Thị Bích L, anh Võ Tiến T², chị Võ Ngọc Kim N có tên trong hộ gia đình bà Võ Thị C tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 16969/QSDĐ ngày 12/11/2002 cho hộ bà Võ Thị C, nhưng tất cả những người con của cụ S, cụ G, kể cả ông Võ Văn T¹ đều trình bày và thừa nhận Thừa đất số 1765 và Thừa đất số 910 đều có nguồn gốc là của cụ S, cụ G, không phải là đất cấp theo định suất nhân khẩu hộ gia đình. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Võ Văn T¹ yêu cầu xác định Thừa đất số 910, Thừa đất số 1765 là tài sản chung của hộ gia đình bà Võ Thị C và không có căn cứ để chấp nhận việc ông T¹ yêu cầu chia tài sản chung (cho ông T¹, bà T, anh T², chị N);

[5] Văn bản phân chia thừa kế được Ủy ban nhân dân xã Long Hưng lập ngày 06/8/2001 không có đủ các thừa kế của cụ Sang tham gia, nội dung văn bản không rõ ràng nên không đúng quy định của pháp luật;

Thừa đất số 910 và Thừa đất số 1765 là tài sản chung của vợ chồng cụ S, cụ G, mỗi người ½, nhưng cụ G ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng toàn bộ đất cho bà C mà không có sự đồng ý của tất cả các thừa kế của cụ S là không đúng quy định của pháp luật;

Phần tài sản của cụ G đã được cụ G định đoạt bằng việc chuyển quyền sử dụng cho bà C, còn cụ S không có di chúc nên Bản án sơ thẩm chia thừa kế phần tài sản của cụ S theo pháp luật là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 650 Bộ luật dân sự năm 2015;

Các thừa kế đều thống nhất chia di sản của cụ S thành 10 kỷ phần, mỗi thừa kế được nhận 01 kỷ phần là 278,21 m², riêng bà C được chia công sức đóng góp bằng 01 kỷ phần; Đối với ông T¹ cũng có công sức quản lý, canh tác, tu bổ trên một phần diện tích, bà C đã tự nguyện chia công sức cho ông T¹ bằng phần

diện tích chênh lệch giữa diện tích thực nhận với diện tích theo kỹ phân được chia bằng 99,08 m² (655,5 m² – 556,42 m²) đã là thỏa đáng.

Bà Võ Thị S tặng cho ông T¹ kỹ phân của bà nên ông T¹ được nhận 02 kỹ phân. Đối với cây trồng trên đất của ông T¹, Bản án sơ thẩm buộc bà C phải hoàn trả cho ông T¹ 7/10 giá trị toàn bộ cây trồng trên đất với số tiền 57.656.200 đồng [(82.366.000 đồng x 7)/10] là phù hợp.

[6] Từ các phân tích trên, không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Văn T¹, giữ nguyên Bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[7] Do không được chấp nhận kháng cáo nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nhưng vì ông Võ Văn T¹ là người cao tuổi nên được miễn.

[8] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; về án phí dân sự sơ thẩm; về nghĩa vụ thi hành án; về trách nhiệm do chậm thi hành án, không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Văn T¹; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2024/DS-ST ngày 15/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, như sau:

2.1. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của các đương sự: Võ Văn T¹, Phạm Thị Bích L, Võ Tiến T², Võ Ngọc Kim N về việc yêu cầu chia tài sản chung hộ gia đình sử dụng đất;

2.2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T, yêu cầu độc lập của các ông, bà: Võ Văn T³, Võ Thị T⁴, Võ Thị M, Võ Văn T¹

2.2.1. Hủy biên bản về việc phân chia thừa kế quyền sử dụng đất lập ngày 06/8/2001;

2.2.2. Xác định di sản của cụ Võ Văn S là ½ quyền sử dụng Thửa đất số 910 và Thửa đất số 1765, cùng Tờ bản đồ số 3, tại ấp Long Thới, xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang là 2.782,1 m²;

Chia cho ông Võ Văn T¹ được quyền sử dụng 655,5 m² thuộc Thửa đất số 910 Tờ bản đồ số 3, tại ấp Long Thới, xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang (Ký hiệu S2, S3, S4 Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 26/3/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang kèm theo).

Chia cho bà Võ Thị C được quyền sử dụng 1.653,15 m² thuộc Thửa đất số 910, Tờ bản đồ số 3, tại ấp Long Thới, xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang (Ký hiệu S5, S6, S7, S8, S9, S10, S11 Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 26/3/2024 kèm theo) và được quyền sử dụng 473,45 m² thuộc Thửa đất số 1765, Tờ bản đồ số 3, tại ấp Long Thới, xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang (Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 08/9/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang kèm theo).

2.2.3. Buộc bà Võ Thị C phải trả cho ông Võ Văn T¹ giá trị cây trồng là 57.656.200 đồng (*Năm mươi bảy triệu sáu trăm năm mươi sáu ngàn hai trăm đồng*).

3. Ông Võ Văn T¹ được miễn án phí dân sự phúc thẩm;

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; về án phí dân sự sơ thẩm; về nghĩa vụ thi hành án; về trách nhiệm do chậm thi hành án, không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSVA – NTHN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Công